



VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thủ tục cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi
đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn thành phố Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn Hướng dẫn phân cấp đề và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 952/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 7 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thủ tục cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thủ tục cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn thành phố Bắc Ninh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 2. Các hoạt động liên quan đến đề điều phải được cấp giấy phép

1. Các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi điểm đ khoản 16 Điều 5 Luật số 146/2025/QH15.

2. Các hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 (trừ trường hợp cấp phép cho hoạt động bến thủy nội địa) và khoản 3 Điều 26 Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 5 Luật số 146/2025/QH15.

Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi Quyết định cấp phép

Chủ tịch UBND thành phố: Cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi Quyết định cấp phép liên quan đến hoạt động đê điều trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 4. Điều kiện cấp phép

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp phép**1. Hồ sơ đề nghị cấp phép**

a) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với các hoạt động sau: Cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều; khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông; xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 km (kilômét) từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều; nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông (trừ trường hợp cấp phép cho hoạt động bến thủy nội địa), thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền, cột điện, cột treo cáp viễn thông, trạm khí tượng thủy văn; xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 gồm:

Bản chính đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có) hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành.

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

Bản chính hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà Nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

Bản chính đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đê điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Đê điều hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành (chỉ áp dụng đối với trường hợp xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15).

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với các hoạt động sau: Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông; đề vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông gồm:

Bản chính đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; quyết định cho thuê đất hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

Bản chính đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

c) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với hoạt động sử dụng đê, kè bảo vệ đê, công qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng; thành phần hồ sơ gồm:

Bản chính đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bản chính sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; thuyết minh phương án của hoạt động đề nghị cấp phép.

Bản sao chứng thực (hoặc bản phô tô có bản gốc đối chiếu) sổ đăng kiểm tàu, thuyền; giấy tờ chứng minh trọng lượng bản thân của tàu, thuyền, bè, mảng hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành.

2. Trình tự cấp phép

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ bằng một trong

các hình thức: trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày, Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp chưa đủ điều kiện, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

d) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép hoặc thỏa thuận Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi đủ điều kiện theo quy định;

Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép;

Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

đ) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cấp phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp phép hoặc không cấp phép, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

Đối với hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cấp phép đối với trường hợp Bộ đồng ý chấp thuận cấp phép và có văn bản trả lời đối với trường hợp Bộ không đồng ý cấp phép, có nêu rõ lý do.

3. Quyết định cấp giấy phép theo mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Điều chỉnh nội dung cấp phép

Trong quá trình xây dựng, hoạt động, trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cần điều chỉnh hoặc bổ sung hoạt động khác so với các nội dung trong Quyết định cấp phép; cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đề nghị và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép điều chỉnh trước khi thực hiện.

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép gồm:

a) Bản chính đơn đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép theo mẫu 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Bản chính hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung (trường hợp đề nghị điều chỉnh) và phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được phê duyệt;

c) Quyết định cấp phép đã được cấp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có công chứng hoặc bản phô tô có bản gốc để đối chiếu) hoặc khai thác từ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành;

d) Đối với những hoạt động được điều chỉnh nội dung cấp phép có ảnh hưởng đến môi trường thì phải có bản chính đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; nếu ảnh hưởng đến thoát lũ, dòng chảy phải đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đề điều; có các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

2. Trình tự điều chỉnh nội dung cấp phép

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ. Thực hiện nộp hồ sơ bằng một trong các hình thức: trực tiếp tại Trung tâm Phục

vụ hành chính công hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>.

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày, Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung cấp phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

d) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh nội dung cấp phép khi đủ điều kiện theo quy định;

Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh nội dung cấp phép;

Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

đ) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cấp phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp phép hoặc không cấp phép, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

Đối với hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cấp phép đối với trường hợp Bộ đồng ý chấp thuận cấp phép và có văn bản trả lời đối với trường hợp Bộ không đồng ý cấp phép, có nêu rõ lý do.

3. Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép

1. Quyết định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng các quy định trong Quyết định cấp phép;
- b) Các hoạt động gây hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình đề điều.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các hoạt động trong Quyết định cấp phép được cấp, sau khi có kết quả kiểm tra vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm và đồng thời tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép.

3. Căn cứ từng trường hợp cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thời hạn đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép. Trong thời gian Quyết định cấp phép bị đình chỉ hiệu lực, cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp phép không được thực hiện các quyền theo Quyết định cấp phép; đồng thời có trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép theo mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 8. Thu hồi Quyết định cấp phép

1. Việc thu hồi Quyết định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều được áp dụng trong những trường hợp sau:

- a) Quyết định cấp phép đã bị đình chỉ hiệu lực sử dụng 01 (một) lần đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định này;
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tự ý chuyển nhượng Quyết định cấp phép;
- c) Cơ quan, tổ chức được cấp phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân được cấp phép bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;
- d) Quyết định cấp phép cấp không đúng thẩm quyền;
- đ) Khi Chủ tịch UBND thành phố quyết định thu hồi Quyết định cấp phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các hoạt động trong Quyết định cấp phép, sau khi có kết quả kiểm tra về các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, có trách nhiệm thông báo thu hồi Quyết định cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm đồng thời tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị thu hồi giấy phép. Đối với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, sau khi có quyết định phê duyệt dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo thu hồi cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép, đồng thời tham mưu văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị thu hồi Quyết định cấp phép.

3. Quyết định thu hồi Quyết định cấp phép theo mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung theo Quyết định

này; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường có đề, các ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung được cấp phép.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có các hoạt động phải cấp phép liên quan đến đề điều, chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được cấp, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi phải thực hiện đúng nội dung đã được quy định trong Quyết định cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường có đề; đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Đào Quang Khải

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số:/2026/QĐ-CTUBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh)

Mẫu 1: Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 2: Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 3: Quyết định về việc cấp giấy phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 4: Quyết định về việc đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 5: Quyết định về việc thu hồi Quyết định cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều

*Tên tổ chức, cá nhân (viết
chữ in hoa)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (tên công trình đề điều) do (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép.....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2

*Tên tổ chức, cá nhân (viết
chữ in hoa)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Điều chỉnh nội dung cấp phép
đối với các hoạt động liên quan đến đề điều

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Bắc Ninh.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép được cấp...

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số fax:

Đang tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều tại vị trí.... theo Quyết định cấp phép số.... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan cấp phép)....; thời hạn sử dụng Quyết định cấp phép từđến

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung cấp phép) được tiếp tục các hoạt động liên quan đến đề điều với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin điều chỉnh nội dung:
- Vị trí của các hoạt động:
- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép đã được cấp:
- Thời gian đề nghị điều chỉnh:.....; từ ngày..... tháng..... năm....., đến ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã được cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét, quyết định.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được cấp phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin
điều chỉnh nội dung giấy phép
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 3

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) đối với
hoạt động liên quan đến đề điều

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn phân cấp đề và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;

Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép):.....
2. Địa chỉ:.....

Hoạt động được cấp phép

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....
4. Thời gian hoạt động:.....

Điều 2. (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đề điều.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
-;
- Lưu: VT,.....

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mẫu 4

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đối với
hoạt động liên quan đến đề điều

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn phân cấp đề và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;

Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép của (cơ quan, tổ chức, cá nhân) sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đã được cấp:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số Quyết định cấp phép đã được cấp, nội dung hoạt động của Quyết định cấp phép đã được cấp.....
4. Lý do bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đã được cấp:.....
5. Thời gian đình chỉ:.....

Điều 2. (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép, không được thực hiện các hoạt động quy định trong Quyết định cấp phép đã được cấp đến khi hết thời gian đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
-;
- Lưu: VT,.....

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mẫu 5

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Quyết định cấp phép đối với
hoạt động liên quan đến đê điều

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;

Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định cấp phép của (cơ quan, tổ chức, cá nhân) sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép đã được cấp:...

.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số Quyết định cấp phép đã được cấp, nội dung hoạt động của Quyết định cấp phép đã được cấp.....

4. Lý do thu hồi Quyết định cấp phép đã được cấp:.....

Điều 2. (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) bị thu hồi Quyết định cấp phép không được thực hiện các hoạt động quy định trong Quyết định cấp phép.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
-;
- Lưu: VT,.....

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH